

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 10-3-2020
“V/v tranh chấp yêu cầu bồi thường
trách nhiệm Nhà nước”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Nga.
2. Ông Nguyễn Công Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường trách nhiệm Nhà nước, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông **Lâm Hoàng N**, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kiết N1, xã Lâm T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã **Lâm T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.**

* Người đại diện theo pháp luật: Ông **Liêu Sơn N1** – chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lâm T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kiết N, xã Lâm T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lâm Hoàng N trình bày: Ngày 21/4/2015, ông N được Ủy ban nhân dân huyện Thanh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 63m² thửa 676 và 63m² thửa 677 loại đất ở nông thôn tọa lạc tại ấp Kiết N, xã Lâm T,

huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 21/4/2018, ông đến Ủy ban nhân dân xã Lâm T để xin giấy phép xây dựng nhà ở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lâm T ông Liêu Sơn N1 hướng dẫn ông gặp địa chính xã là ông Đỗ Quốc T để làm hồ sơ xin giấy phép, 02 ngày sau ông T xuống 02 thửa đất và nhận của ông số tiền 5.600.000 đồng để làm phí giấy phép xây dựng, ông T có nói ông đủ điều kiện để xây dựng nhà trên 02 thửa đất. Ngày 02/5/2018, ông Lâm Thanh B gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân (UBND) xã Lâm T giải quyết tranh chấp vì cho rằng ông N xây dựng nhà lấn qua phần đất của ông B, ngày 03/5/2018, UBND xã Lâm T yêu cầu ông ngừng xây dựng nhà với lý do không có giấy phép. Sau đó, UBND xã Lâm T tiến hành hòa giải giữa ông với ông B nhưng không thành do ông xây dựng nhà đúng quy định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp nhưng UBND xã lại tiếp tục ngăn cản không cho ông xây dựng nhà và lập biên bản xử phạt hành chính về việc xây dựng nhà không giấy phép, ông không đồng ý vì ông đã nộp phí làm giấy phép do ông T trực tiếp nhận và thông báo miệng tôi đã đủ điều kiện xây dựng. Đến tháng 8 năm 2018, ông T đến kêu ông xây dựng nhà lại vì không cần phải xin giấy phép, do ông T chỉ thông báo miệng nên ông không giám tiếp tục xây dựng. Trong quá trình Ủy ban nhân dân xã Lâm T ngăn cản ông xây dựng đã gây cho ông Nều thiệt hại về vật liệu xây dựng làm ông không sử dụng được gồm 300kg sắt sáu ly giá 16.500 đồng/kg = 4.950.000 đồng; 250kg sắt tám ly, giá 16.500đ/kg = 4.125.000 đồng; 15 kg sắt 14, giá 220.000 đồng/cây = 3.300.000 đồng; 6.000 viên gạch ống giá 6.600.000 đồng; 15 cây tràm dùng để xây dựng giá 1.050.00 đồng; 38 bao xi măng sao mai giá 3.496.000 đồng; 10 tấm văng 03 tầng 03m, 20 tấm văng 3 tầng 04m và 16 tấm văng 3 tầng 4m giá 6.074.000 đồng; 06 bó đồ 3x5 dài 8 tầng, 3x4 dài 4 tầng giá 1.800.000 đồng; 40 tấm văng 2,5m giá 6.500.000 đồng. Tổng cộng là 37.886.000 đồng.

Tại phiên tòa ông N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã Lâm T, huyện Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về các tài sản bị thiệt hại thực tế mà Tòa án tiến hành thẩm định kiểm, đếm, cân và định giá được. Còn đối với các tài sản không thẩm định và định giá được thì ông không yêu cầu.

- **Người đại diện bị đơn ông Liêu Sơn N1 trình bày:** Việc xây dựng của ông Lâm Hoàng N thì UBND xã Lâm T không có ngăn cản do trong quá trình xây dựng ông Lâm Thanh B là hộ liền kề với căn nhà ông N đang xây dựng có đơn khiếu nại gửi đến UBND xã Lâm T về việc ông Lâm Hoàng N xây dựng xâm phạm đến tường nhà ông B nên UBND xã Lâm T tiến hành mời ông B và ông N hòa giải nhưng không thành. Từ lúc phát sinh khiếu nại cho đến nay UBND xã Lâm T hoàn toàn không có ra Quyết định xử phạt hành chính hay lập biên bản ngăn cản gì đối với việc ông N xây dựng và UBND cũng không có cử cán bộ xuống yêu cầu ông N ngưng xây dựng. Hiện nay thì ông N đã xây dựng hoàn thiện căn nhà. Đối với công trình xây dựng của ông N thì UBND xã Lâm T không có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng mà do UBND huyện Thanh T xem xét các trình tự thủ tục. Nay đối với yêu cầu bồi thường của ông Lâm Hoàng N thì UBND xã Lâm T không đồng ý.

- **Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng. Về phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là UBND xã Lâm T, huyện Thạnh T bồi thường thiệt hại tài sản do bị đơn ngăn cản ông trong việc xây dựng nhà, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường trách nhiệm Nhà nước*” theo quy định định tại Điều 52 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Do nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại xã Lâm T, huyện Thạnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 1 Điều 53 của Luật trách nhiệm Nhà nước năm 2017 và Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm Hoàng N về việc yêu cầu UBND xã Lâm T, huyện Thạnh T có trách nhiệm bồi thường đối với các tài sản bị thiệt hại thực tế mà Tòa án tiến hành kiểm, đếm, cân và định giá. Theo nguyên đơn tài sản bị thiệt hại là do phía UBND xã Lâm T ngăn cản ông trong quá trình xây dựng nhà đã gây thiệt hại các vật liệu xây dựng nên ông không sử dụng được. Tại phiên tòa, nguyên đơn khẳng định đại diện UBND xã đến nơi ông xây dựng và ngăn cản bằng miệng mà không có lập biên bản hay ra quyết định buộc dừng xây dựng. Đồng thời, trong quá trình ông xây dựng nhà thì phía UBND xã Lâm T cũng không có ra quyết định xử phạt hành chính hay lập biên bản thu giữ các vật liệu xây dựng nhà của ông. Hiện căn nhà đã xây hoàn thiện và gia đình ông đã vào ở. Đối với các vật liệu xây dựng bị thiệt hại là khi UBND xã Lâm T ngăn cản thì vật liệu xây dựng mua về nhưng không chỗ gởi nên ông để ở ngoài trời và đã hư hỏng theo thời gian. Theo người đại diện bị đơn ông Liêu Sơn N1 trình bày khi ông N tiến hành xây dựng thì có hộ ông Lâm Thanh B khiếu nại do ông N cất nhà làm xâm phạm đến tường nhà ông B, UBND xã tiến hành mời hai bên lên hòa giải nhưng không thành. UBND xã Lâm T hoàn toàn không có lập biên bản ngăn cản xây dựng hay ra quyết định xử phạt nào liên quan đến việc ông N xây dựng nhà và UBND xã cũng không có lập biên bản tạm giữ các vật liệu xây dựng theo như ông N yêu cầu.

[3] Xét thấy, trong quá trình ông N xây dựng nhà thì không có lỗi của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính mà cụ thể là UBND xã Lâm T như: *Ra quyết định*

xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật; Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính trái pháp luật; Áp dụng một trong các biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính sau đây trái pháp luật như: Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 17 của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước. Đồng thời, ngày 04/10/2019 Tòa án ra thông báo số 583/TB-TA về việc yêu cầu nguyên đơn cung cấp các văn bản chứng minh hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ theo quy định tại Điều 8 của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước (BL 34) nhưng đến nay phía nguyên đơn vẫn không cung cấp theo yêu cầu Tòa án. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với các tài sản nguyên đơn yêu cầu qua thẩm định kiểm, đếm và cân được gồm: 30 bao xi măng, sắt phi 14 gồm 13 cây, sắt phi 8 có tổng trọng lượng là 275 kg, sắt phi 6 có tổng trọng lượng là 70 kg, cừ tràm (dài 5m) số lượng 12 cây, gạch ống 1265 viên, gạch nứa 1095 viên, gạch thẻ 182 viên; Đối với các tài sản không thể kiểm đếm và định giá được gồm: tấm ván 03 tác 03m, tấm ván 3 tác 04m, bó đố 3x5 dài 8 tác, bó đố 3x4 dài 4 tác và 40 tấm ván 2,5m hiện trạng gãy vụn, mục nát không còn phân biệt được từng loại, từng miếng nên không thể kiểm đếm được. Do đó, tài sản nguyên đơn yêu cầu có tổng giá trị là 14.620.200 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 14.620.200 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá với tổng số tiền là 1.550.000 đồng: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường trách nhiệm nhà nước nên nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 76 của Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước và điểm f khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 157 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 7, Điều 8, Điều 17, Điều 51, Điều 52 và Điều 76 của Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017 và điểm f khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Hoàng N về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Lâm T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 14.620.200 đồng (mười bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn hai trăm đồng).

2. Về chi phí thẩm định, định giá: nguyên đơn ông Lâm Hoàng N phải chịu với số tiền là 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng ông N đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Lâm Hoàng N số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá còn dư là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nhận tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lâm Hoàng N được miễn, không phải chịu án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Phước Toàn